TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2025/HS-ST
Ngày: 25-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lãm
2. Ông Phạm Văn Đảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh –Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2025/TLST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Phạm Tuấn H, sinh ngày 10/11/2002; nơi sinh: Bình Phước; HKTT và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Phạm Thị T; bị cáo chưa có vợ; có 01 người con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

Chị Nông Thị Thanh T1, sinh ngày 21/10/2007; Nơi thường trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước; nơi ở hiện tại: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

** Người đại diện hợp pháp cho của chị T1:* Bà Vương Thị T2, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nơi ở hiện tại: Phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Ông Nguyễn Sỹ T3 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

** Người làm chứng:*

Bà Phan Thị L, sinh năm 1951 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phạm Tuấn H và Nông Thị Thanh T1 có quan hệ tình cảm yêu đương với nhau. Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 17/3/2021, T1 đi đến quán ăn của gia đình H ở thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước chơi; lúc này chỉ có một mình H ở trông giữ quán. Tại đây, H và T1 đi vào phòng ngủ của H ngồi trên giường nói chuyện khoảng 15 phút thì H tắt điện và cùng T1 đi ngủ. H đi đến dùng tay cởi quần, áo của T1 và của H ra, sau đó H và T1 nằm xuống giường thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục xong, T1 và H nằm ngủ, đến sáng ngày hôm sau T1 thức dậy và đi về nhà. Khoảng 23 giờ ngày 18/3/2021, T1 tiếp tục đi đến quán ăn của gia đình H, lúc này chỉ có một mình H ở trông giữ quán, H và T1 đi vào phòng ngủ của H rồi H và T1 tự cởi quần, áo của mình ra và nằm lên giường để thực hiện hành vi quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục xong, H và T1 nằm ngủ, đến sáng hôm sau, T1 thức dậy và đi về nhà.

Ngày 08/5/2021, T1 đi siêu âm thì phát hiện có thai khoảng 04 tuần tuổi nên T1 nói cho bà Phan Thị L (bà nội của T1) biết. Đến ngày 30/5/2021, bà L đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 14/12/2021, Nông Thị Thanh Thủy S một bé trai và đặt tên con là Nông Tuấn K. Hiện nay, cháu K đang được gia đình H nuôi dưỡng.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 3269 ngày 16/10/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố H kết luận giám định AND "Nguyễn Phạm Tuấn H là cha sinh học của Nông Tuấn K; Nông Thị Thanh T1 là mẹ sinh học của Nông Tuấn K".

Về trách nhiệm dân sự: gia đình Nguyễn Phạm Tuấn H đã tự nguyện cho bồi thường cho Nông Thị Thanh T1 số tiền 50.000.000 đồng, hiện T1 không yêu cầu gì thêm.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 26 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Phạm Tuấn H về tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" theo khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Phạm Tuấn H và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38, 50, 54 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Tuấn H mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

* Người bị hại chị Nông Thị Thanh T1 trình bày: Giữa tôi và bị cáo H có quan hệ yêu thương nhau, hai bên quen nhau trong một lần đi chơi cùng bạn, tôi có nói với H là tôi đã đủ 18 tuổi. Sau đó, hai bên nhắn tin qua lại với nhau qua mạng xã hội. Đến ngày 17/3/2021, H hẹn tôi đến quán nhà H chơi, nên tôi có nhờ bạn chở tới quán nhà H, rồi cùng nhau đi chơi, đi ăn, đi uống nước rồi cùng nhau về quán nhà H. Tại đây, H đưa tôi vào phía buồng sau của quán rồi H lại ôm tôi, kéo tôi vào lòng và hôn tôi và đưa tay cởi quần của tôi. Lúc này, tôi biết là H muốn quan hệ tình dục với tôi, ban đầu tôi có phản ứng đẩy H ra, nhưng H vẫn ôm và hôn tôi nên tôi để mặc H muốn làm gì thì làm không có phản ứng nữa. Rồi do tôi cũng thích H nên đồng ý để H quan hệ tình dục. Đến này 18/3/2021, tôi lại nhờ bạn chở đến quán nhà H chơi và chúng tôi cũng phát sinh quan hệ tình dục một lần nữa, chúng tôi ngủ đến sáng hôm sau thì tôi về nhà. Một tháng sau, bà ngoại tôi phát hiện tôi có dấu hiệu bất thường, nên tôi có đi mua que thử thai thì phát hiện tôi có thai và mẹ tôi có đưa tôi đi kiểm tra thì phát hiện tôi có thai được 04 tuần. Gia đình tôi có gặp gia đình H để nói chuyện, hai bên gia đình thương lượng để tôi sinh con rôi đến khi đủ tuổi thì đăng ký kết hôn và tổ chức cưới nhau. Nhưng không biết vì sao bà nội tôi lại làm đơn tố cáo đến công an xã về vụ việc của tôi với H. Sau này, khi sinh con được 05 tháng, tôi có để lại con cho H nuôi dưỡng còn tôi đi về thành phố Đ đi làm từ đó cho đến nay. Gia đình bị cáo H có bồi thường cho tôi số tiền 50.000.000 đồng và trong thời gian tôi mang thai và sinh nở thì H và gia đình cũng gửi tiền và mua đồ bồi dưỡng, chăm sóc tôi. Nay tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và tôi cũng nhận thấy việc tôi nói mình đủ 18 tuổi là động lực để H yêu và nảy sinh quan hệ tình dục với tôi nên tôi cũng có lỗi trong vụ việc này. Tôi xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được ở ngoài có điều kiện chăm sóc con, vì hiện nay tôi đi làm không đủ điều kiện để nuôi con.

* Người đại diện hợp pháp cho người bị hại bà Vương Thị T2: Tôi là mẹ của Nông Thị Thanh T1, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên tôi có để T1 sống với bà N ở tại Bù Gia M đi làm tại Đ. Tôi không biết sự việc của T1 và bị cáo, đến khi bà nội gọi điện thông báo cho tôi thì tôi mới biết sự việc và có đưa T1 đi siêu âm và biết T1 có thai được 04 tuần. Tôi có về nhà T4 để nói chuyện thì hai bên gia đình đều đồng ý để Thủy sinh con và đều có trách nhiệm. Sau này, khi T1 sinh con và tôi có nuôi được 05 tháng thì T1 giao con lại cho H nuôi

dưỡng, còn việc bà nội làm đơn tố cáo H đến Công an xã tố cáo H. Tôi và T1 đã nhận số tiền bồi thường từ H và gia đình là 50.000.000 đồng. Nay tôi không có yêu cầu bồi thường gì thêm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo đi làm kiếm tiền nuôi con.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Tôi là bố ruột của bị cáo H, gia đình tôi có 01 căn nhà thuê để bán hàng ăn sáng, trong thời gian con tôi đi học nên gia đình có để H ở ngoài vừa học vừa trông quán. Vì vậy, khi H phát sinh quan hệ tình cảm yêu đương và quan hệ tình dục với T1 thì gia đình không biết, bản thân H cũng không nói với gia đình. Sau này, khi mẹ và bà nội của T1 đến nhà nói chuyện với gia đình về việc T1 có thai với H, gia đình cũng rất hoang mang. Qua thương lượng hai bên gia đình đều đồng ý để cháu T1 sinh con và để T1 lớn lên đủ tuổi thì sẽ tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn cho hai đứa trẻ. Nhưng sau đó 01 tuần thì bà nội của T1 đã tố cáo đến công an xã về hành vi của H, khi Thủy sinh thì gia đình cũng gửi tiền viện phí, tiền chăm sóc T1 trong thời gian mang thai và nuôi con. Sau này, H và gia đình có bồi thường cho T1 số tiền 50.000.000 đồng, đây là tiền của gia đình vì H là người sống chung với gia đình, đi làm chỉ đủ nuôi bản thân và hỗ trợ một chút nuôi con. Nay tôi không yêu cầu H trả lại số tiền này cho tôi.

* Bị cáo Nguyễn Phạm Tuấn H trình bày: Bị cáo và T1 có quan hệ yêu thương nhau, bị cáo có thích T1 ngay lần đầu gặp. Bị cáo có nhắn tin qua lại với nhau qua mạng xã hội. Đến ngày 17/3/2021, bị cáo có hẹn gặp T1 tại quán nhà bị cáo, sau đó bị cáo thấy bạn T1 chở T1 tới. Tối đó, bị cáo và T1 phát sinh quan hệ tình dục. Việc quan hệ tình dục thì cả bị cáo và T1 đều tự nguyện, vì có tình cảm với nhau nên T1 không có sự phản kháng với bị cáo, còn bị cáo thì thấy T1 nói T1 đã 18 tuổi nên bị cáo không suy nghĩ gì về tuổi của T1. Bị cáo và T1 còn quan hệ thêm 1 lần nữa vào ngày 18/3/2021, một tháng sau thì T1 nói với bị cáo là T1 đã có thai và gia đình T1 có đến nhà bị cáo để nói chuyện với bố mẹ. Hai bên đã thống nhất được với nhau, nhưng sau đó một tuần thì bà nội của T1 đến công an làm đơn tố cáo. Bị cáo nhận thấy hành vi quan hệ tình dục với T1 khi T1 mới được hơn 13 tuổi là vi phạm pháp luật. Bị cáo mong hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, vì hiện nay bị cáo đang là người nuôi con, vì khi con được 05 tháng tuổi, T1 đã để lại con cho bị cáo nuôi từ đó cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên tham gia quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, như: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Do có mối quan hệ yêu đương nên vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 17/3/2021 và 23 giờ ngày 18/3/2021 Nguyễn Phạm Tuấn H đã quan hệ tình dục với Nông Thị Thanh T1, sinh ngày 21/10/2007 nhiều lần dẫn đến T1 có thai và sinh con vào ngày 30/12/2021. Tại thời điểm H thực hiện hành vi quan hệ tình dục với T1 thì T1 mới được 13 tuổi 4 tháng 27 ngày. Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo với những quy định của pháp luật hiện hành thì hành vi của bị cáo Nguyễn Phạm Tuấn H đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi" quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như Cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người đã thành niên, có đủ nhận thức về hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của trẻ em; thể chất, sinh lý và vấn đề tình dục của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, mặt khác còn tạo dự luận xuất tại địa phương.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có

- Về tính tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường cho người bị hại; đồng thời hiện nay bị cáo là người nuôi con nhỏ; bị hại có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, tại thời điểm phạm tội bị cáo mới được 18 tuổi 4 tháng nên sự nhận thức pháp luật có hạn chế, chưa nhận thức được toàn diện hậu quả của việc quan hệ tình dục đối với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Phạm Tuấn H đã bồi thường cho bị hại số tiền 50.000.000 đồng, bị hại đã làm đơn bãi nại không yêu cầu xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phạm Tuấn H phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"

2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 38, 50, 5 4của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phạm Tuấn H 01 *(Một)* năm 06 *(S1)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Phạm Tuấn H phải chịu là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;*
- *Công an huyện Bù Gia Mập;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo; người bị hai;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tuyết